

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số: 24/2024/HSST
Ngày 11/7/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Liên và bà Lê Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa:

Ông: Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/HSST ngày 31/5/2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo: Trương Hoàng N, sinh ngày: 20/12/1997, tại xã TH, thành phố HT, tỉnh H T. Nơi cư trú: Thôn MT, xã TH, thành phố HT, tỉnh HT. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông Trương Văn H; con bà: Trương Thị P; bị cáo chưa có vợ con. Tiền sự; Tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 29/05/2015 bị Toà án nhân dân thành phố HT, tỉnh Hà Tĩnh tuyên phạt 05 (năm) tháng án tù giam về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 06/07/2018 bị Công an thành phố HT, tỉnh HT xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng (đã nộp phạt).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/02/2024 đến 16/02/2024, chuyển tạm giam từ ngày 16/02/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

+ BỊ HẠI:

1. Anh Phạm Xuân K, sinh ngày 03/6/2006

+ Đại diện hợp pháp của Phạm Xuân K là bà Phạm Thị L, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn Xóm QT, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Chị Đậu Việt Á, sinh ngày 28/10/2006

+ Đại diện hợp pháp của Đậu Việt Á là bà Bùi Thị T, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn R, xã TH, huyện T N, thành phố Hải Phòng
3. Anh Bùi Phúc T, sinh ngày: 16/7/2007
+ Đại diện hợp pháp của Bùi Phúc Thịnh là ông Bùi Văn H
Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã AH, huyện AD, Thành Phố Hải Phòng
4. Anh Nguyễn Khương D, sinh ngày 12/4/1995.
Địa chỉ: Thôn XT, xã XB, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa
5. Chị Trần Thị H, sinh ngày 06/5/2000
Địa chỉ: Ấp BD1, xã Tân PT, huyện CC, Thành phố Hồ chí Minh
6. Chị Trần Thị Thu T, sinh ngày 28/6/2000
Địa chỉ: Thôn NV, xã HT, thị xã T1, tỉnh Bắc Ninh
(những người bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt);

+ NGƯỜI LÀM CHỨNG

1. Chị Hà Thị L, sinh năm: 2007;
Đại diện hợp pháp của Hà Thị L là bà Hà Thị C, sinh năm 1982
2. Chị Trương Thị T, sinh năm: 2000;
3. Chị Trương Thị P, sinh năm: 1976. Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân tiếp nhận đơn tố giác tội phạm của anh Nguyễn Khương D, sinh năm 1995, trú tại thôn Xuân Tân, xã XB, huyện TX về việc trong quá trình sử dụng Facebook anh D bị tài khoản Facebook có tên: “Hồng Nhungg” đăng thông tin dối tiền thật lấy tiền giả, sau đó chiếm đoạt của anh D số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 07/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện TX tiếp nhận đơn xin đầu thú của Trương Hoàng N. Tại Cơ quan điều tra Trương Hoàng N khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Vào tháng 10 năm 2023, Trương Hoàng N, nảy sinh ý định sử dụng mạng xã hội Facebook để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức đăng tin trao đổi tiền giả. Sau đó, N sử dụng tài khoản Facebook “Trương Hoàng N” – tài khoản Facebook chính chủ của N tìm kiếm các tài khoản Facebook có số lượng bạn bè lớn nhằm chiếm đoạt quyền sử dụng các tài khoản Facebook này để sử dụng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bản thân. Quá trình tìm kiếm và dùng phương pháp thử mật khẩu của các tài khoản Facebook dựa trên những thông tin cá nhân mà chủ tài khoản công khai trên Facebook, N đã chiếm đoạt được quyền sử dụng tài khoản Facebook “Hồng Nhungg” của chị Hà Thị L, trú tại thôn Pà C, xã XL, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá.

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/10/2023 đến ngày 06/02/2024, N sử dụng tài khoản Facebook “Hồng Nhungg” đăng tải các bản tin chứa các hình ảnh và nội dung

liên quan đến việc đổi tiền giả với tỉ lệ 1.000.000 đồng tiền thật đổi 10.000.000 đồng tiền giả và thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với 06 (sáu) bị hại, cụ thể gồm:

Người thứ nhất: Anh Phạm Xuân K, trú tại xóm QT, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Vào ngày 20/10/2023, anh Phạm Xuân K sử dụng tài khoản Facebook “Khiem pham” của anh K nhắn tin đến tài khoản Facebook “Hồng Nhungg” của Trương Hoàng N để đổi 1.000.000 đồng lấy 10.000.0000 đồng tiền giả thì N đồng ý và yêu cầu anh K chuyển khoản số tiền 400.000 đồng (tương đương với 40% tổng số tiền mà anh K phải trả cho N) đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” cho N để đặt cọc. Sau khi nhận được số tiền 400.000 đồng của anh K chuyển từ tài khoản ngân hàng MB Bank số 55545886868, N nhắn tin Facebook Messenger yêu cầu anh K cung cấp tên, địa chỉ và số điện thoại để nhận tiền giả. Sau đó N sử dụng số điện thoại di động 0961166997 của N gọi điện đến số điện thoại 0989035126 của anh K, quá trình nói chuyện, N tự xưng là nhân viên giao tiền giả, yêu cầu anh K chuyển thêm 600.000 đồng đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” là 60% tổng số tiền mà anh K phải trả cho N thì anh K đồng ý và chuyển thêm cho N số tiền 600.000 đồng. Sau đó N tiếp tục sử dụng số điện thoại 0961166997 gọi điện yêu cầu anh K chuyển thêm số tiền 500.000 đồng phí giao tiền giả nữa thì anh K đồng ý và tiếp tục chuyển thêm số tiền 500.000 đồng cho N. Khi nhận được 500.000 đồng tiền phí giao tiền giả của anh K thì N tiếp tục gọi điện thông báo cho anh K đơn hàng phải đổi số tiền giả từ 20.000.000 đồng trở lên thì mới giao tiền giả và yêu cầu anh K chuyển thêm 1.000.000 đồng nữa. Lúc này anh K nhận thấy bản thân bị lừa nên không đồng ý và gọi điện đến số thuê bao 0961166997 của N để đòi lại tổng số tiền 1.500.000 đồng mà anh K đã chuyển cho N. Nhận thấy không thể lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh K thêm nữa, nên N đã chặn mọi liên lạc với anh K để chiếm đoạt số tiền 1.500.000 đồng của anh Khiêm.

Người thứ hai: Chị Đậu Việt Á, sinh năm 2006, trú tại thôn R, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Vào ngày 25/01/2024, chị Đậu Việt Á sử dụng tài khoản Facebook “Việt Á” của chị Á nhắn tin đến tài khoản Facebook “Hồng Nhungg” của Trương Hoàng N để đổi 1.000.000 đồng lấy 10.000.0000 đồng tiền giả thì N đồng ý và yêu cầu chị Á chuyển khoản số tiền 400.000 đồng (tương đương với 40% tổng số tiền mà chị Á phải trả cho N) đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” cho N để đặt cọc. Sau khi nhận được số tiền 400.000 đồng của chị Á chuyển từ tài khoản ngân hàng MB Bank số 8552006855, N nhắn tin Facebook Messenger yêu cầu chị Á cung cấp tên, địa chỉ và số điện thoại để nhận tiền giả. Sau đó N sử dụng số điện thoại di động 0961166997 của N gọi điện đến số điện thoại 0985376704 của chị Á, quá trình nói chuyện, N tự

xung là nhân viên giao tiền giả, yêu cầu chị Á chuyển thêm 600.000 đồng đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” là 60% tổng số tiền mà chị Á phải trả cho N thì chị Á đồng ý và chuyển thêm cho N số tiền 600.000 đồng. Sau đó N tiếp tục sử dụng số điện thoại 0961166997 gọi điện yêu cầu chị Á chuyển thêm số tiền 500.000 đồng phí giao tiền giả nữa thì chị Á không đồng ý và yêu cầu N giao tiền giả xong thì chị Á mới trả tiền giao hàng. Nhận thấy không thể lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Á thêm nữa nên N đã chặn mọi liên lạc với chị Á để chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng của chị Á.

Người thứ ba: Anh Bùi Phúc T, sinh năm 2007, trú tại thôn T1, xã AH, huyện AD, TP. Hải Phòng.

Vào ngày 29/01/2024, anh Bùi Phúc T sử dụng tài khoản Facebook “Bùi Phúc T” của anh T nhắn tin đến tài khoản Facebook “Hồng Nhungg” của Trương Hoàng N để đổi 1.000.000 đồng lấy 10.000.0000 đồng tiền giả thì N đồng ý và yêu cầu anh T chuyển khoản số tiền 400.000 đồng (tương đương với 40% tổng số tiền mà anh T phải trả cho N) đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” cho N để đặt cọc. Sau khi nhận được số tiền 400.000 đồng của anh T chuyển từ tài khoản ngân hàng MB Bank số 160720799999, N nhắn tin Facebook Messenger yêu cầu anh T cung cấp tên, địa chỉ và số điện thoại để nhận tiền giả. Sau đó N sử dụng số điện thoại di động 0961166997 của N gọi điện đến số điện thoại 0348399656 của anh T, quá trình nói chuyện, N tự xưng là nhân viên giao tiền giả, yêu cầu anh T chuyển thêm 600.000 đồng đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” là 60% tổng số tiền mà anh T phải trả cho N thì anh T đồng ý và chuyển thêm cho N số tiền 600.000 đồng. Sau đó N tiếp tục sử dụng số điện thoại 0961166997 gọi điện yêu cầu anh T chuyển thêm số tiền 500.000 đồng phí giao tiền giả nữa thì anh T không đồng ý và yêu cầu N giao tiền giả xong thì anh T mới trả tiền giao hàng. Nhận thấy không thể lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T thêm nữa nên N đã chặn mọi liên lạc với anh Th để chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng của anh T.

Người thứ tư: Anh Nguyễn Khương D, sinh năm 1995, trú tại thôn Xuân Tân, xã XB, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Vào ngày 29/01/2024, anh Nguyễn Khương D sử dụng tài khoản Facebook “Nguyễn Duy” của anh D nhắn tin đến tài khoản Facebook “Hồng Nhungg” của Trương Hoàng N để đổi 1.000.000 đồng lấy 10.000.0000 đồng tiền giả thì N đồng ý và yêu cầu anh D chuyển khoản số tiền 400.000 đồng (tương đương với 40% tổng số tiền mà anh D phải trả cho N) đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” cho N để đặt cọc. Sau khi nhận được số tiền 400.000 đồng của anh D chuyển từ tài khoản ngân hàng MB Bank số 2712956789, N nhắn tin Facebook Messenger yêu cầu anh D cung cấp tên, địa chỉ và số điện thoại để nhận tiền giả. Sau đó N sử dụng số điện thoại di động 0961166997 của N gọi điện đến số điện thoại 0983869350 của anh D, quá

trình nói chuyện, N tự xưng là nhân viên giao tiền giả, yêu cầu anh D chuyển thêm 600.000 đồng đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” là 60% tổng số tiền mà anh D phải trả cho N. Tuy nhiên, anh D bận công việc nên chưa chuyển số tiền 600.000 đồng cho N và hẹn ngày 30/01/2024 sẽ liên lạc lại với N. Đến ngày 30/01/2024, anh D nhắn tin Facebook Messenger với N trao đổi anh D lấy thêm 5.000.000 đồng tiền giả nữa, tổng là 15.000.000 đồng tiền giả thì N đồng ý và yêu cầu anh D chuyển thêm số tiền 1.100.000 đồng nữa vào tài khoản ViettelPay cho N. Sau khi anh D chuyển thêm 1.100.000 đồng theo yêu cầu của N thì N tiếp tục sử dụng số điện thoại 0961166997 gọi điện yêu cầu anh D chuyển thêm số tiền 500.000 đồng phí giao tiền giả nữa thì anh D đồng ý và tiếp tục chuyển thêm số tiền 500.000 đồng cho N. Sau khi N nhận được tổng số tiền 2.000.000 đồng mà anh D chuyển, nhận thấy không thể lừa anh D thêm được nữa nên N đã chặn mọi liên lạc với anh D để chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.

Người thứ năm: Chị Trần Thị H, sinh năm 2000, trú tại Ấp Bến đò 1, xã Tân PT, huyện C1, thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 06/02/2024, chị Trần Thị H sử dụng tài khoản Facebook “Trần Thị H” của chị H nhắn tin đến tài khoản Facebook “Hồng Nhung” của Trương Hoàng N để đổi 1.000.000 đồng lấy 10.000.000 đồng tiền giả thì N đồng ý và yêu cầu chị H chuyển khoản số tiền 400.000 đồng (tương đương với 40% tổng số tiền mà chị H phải trả cho N) đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” cho N để đặt cọc. Sau khi nhận được số tiền 400.000 đồng của chị H chuyển từ tài khoản ngân hàng Viettinbank số 105870097847, N nhắn tin Facebook Messenger yêu cầu chị H cung cấp tên, địa chỉ và số điện thoại để nhận tiền giả. Sau đó N sử dụng số điện thoại di động 0961166997 của N gọi điện đến số điện thoại 0961565927 của chị H, quá trình nói chuyện, N tự xưng là nhân viên giao tiền giả, yêu cầu chị H chuyển thêm 600.000 đồng đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” là 60% tổng số tiền mà chị H phải trả cho N thì chị H đồng ý và chuyển thêm cho N số tiền 600.000 đồng. Sau đó N tiếp tục sử dụng số điện thoại 0961166997 gọi điện yêu cầu chị H chuyển thêm số tiền 500.000 đồng phí giao tiền giả nữa thì chị H đồng ý và tiếp tục chuyển thêm số tiền 500.000 đồng cho N. Khi nhận được 500.000 đồng tiền phí giao tiền giả của chị H thì N tiếp tục gọi điện thông báo cho chị H đơn hàng phải đổi số tiền giả từ 20.000.000 đồng trở lên thì mới giao tiền giả và yêu cầu chị H chuyển thêm 1.000.000 đồng nữa. Lúc này chị H nhận thấy bản thân bị lừa nên không đồng ý và gọi điện đến số thuê bao 0961166997 của N để đòi lại tổng số tiền 1.500.000 đồng mà chị H đã chuyển cho N. Nhận thấy không thể lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị H thêm nữa, nên N đã chặn mọi liên lạc với chị H để chiếm đoạt số tiền 1.500.000 đồng của chị H.

Người thứ sáu: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 2000, trú tại Thôn NV, xã HT, thị xã Thuận Thành, Bắc Ninh.

Vào ngày 06/02/2024, chị Trần Thị Thu T sử dụng tài khoản Facebook “Bảo T” của chị T nhắn tin đến tài khoản Facebook “Hồng Nhung” của Trương Hoàng N để đổi 1.000.000 đồng lấy 10.000.000 đồng tiền giả thì N đồng ý và yêu cầu chị T chuyển khoản số tiền 400.000 đồng (tương đương với 40% tổng số tiền mà chị T phải trả cho N) đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” cho N để đặt cọc. Sau khi nhận được số tiền 400.000 đồng của chị T chuyển từ tài khoản ngân hàng MB Bank số 88888668888, N nhắn tin Facebook Messenger yêu cầu chị H cung cấp tên, địa chỉ và số điện thoại để nhận tiền giả. Sau đó N sử dụng số điện thoại di động 0961166997 của N gọi điện đến số điện thoại 0971756319 của chị T, quá trình nói chuyện, N tự xưng là nhân viên giao tiền giả, yêu cầu chị T chuyển thêm số tiền 600.000 đồng đến tài khoản ViettelPay số “9704229267728736” là 60% tổng số tiền mà chị T phải trả cho N. Tuy nhiên, chị T nghi ngờ bản thân bị lừa nên không đồng ý chuyển thêm số tiền 600.000 đồng cho N mà yêu cầu N trả lại cho chị T số tiền 400.000 đồng đã cọc trước đó. Nhận thấy không thể lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T thêm nữa nên N đã chặn mọi liên lạc với chị T để chiếm đoạt số tiền 400.000 đồng của chị T.

Tại bản kết luận giám định số 1496/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: *Tìm thấy 913 (chín trăm mười ba) hình ảnh, 502 (năm trăm linh hai) lịch sử cuộc gọi, 2107 (hai nghìn một trăm linh bảy) tin nhắn SMS, 3278 (ba nghìn hai trăm bảy mươi tám) tin nhắn Zalo, 1938 (một nghìn chín trăm ba mươi tám) tin nhắn Facebook Messenger, 20 (hai mươi) tin nhắn Instagram trên điện thoại của Trương Hoàng N.*

Quá trình kiểm tra nội dung kết luận giám định, Cơ quan CSĐT phát hiện tại mục “Tin nhắn Facebook” có 02 (hai) đoạn hội thoại gồm 97 (chín mươi bảy) tin nhắn Facebook Messenger có nghi vấn liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trương Hoàng N. Tuy nhiên, không thể truy cập và tìm kiếm các tài khoản Facebook có liên quan do các tài khoản Facebook này đã bị khoá vĩnh viễn, không thể khôi phục lại. Do đó, Cơ quan CSĐT không có đủ căn cứ để điều tra, xác minh mở rộng hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của N.

Ngoài ra, phát hiện 02 (hai) tin nhắn SMS của chị Trần Thị Thu T (là một trong 06 (sáu) bị hại nêu trên) gửi cho Trương Hoàng N vào ngày 06/02/2024, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được.

Đối với Trương Thị T là người đứng tên chủ tài khoản ViettelPay số 9704229267728736 mà Trương Hoàng N sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, Trương Hoàng N là người duy nhất sử dụng tài khoản ViettelPay 9704229267728736 từ khi mở tài khoản đến nay, Trương Thị T chỉ mở tài khoản và đưa cho N sử dụng. Ngoài ra, T không biết việc Nam sử dụng tài khoản ViettelPay này

để thực hiện hành vi phạm tội, không được hưởng lợi gì từ việc mở tài khoản và đưa cho Nam sử dụng. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với Trương Thị T.

Đối với Trương Thị P là người đứng tên số thuê bao di động 0961166997 mà Trương Hoàng N sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, Trương Hoàng N là người duy nhất sử dụng số thuê bao 0961166997 từ khi mở tài khoản đến nay, Trương Thị P chỉ đăng ký thuê bao và đưa cho N sử dụng. Ngoài ra, P không biết việc N sử dụng số thuê bao di động này để thực hiện hành vi phạm tội, không được hưởng lợi gì từ việc đăng ký số thuê bao và đưa cho N sử dụng. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với Trương Thị P.

Đối với: Nguyễn Khương D, Trần Thị H, Trần Thị Thu T, Bùi Phúc T, Đậu Việt Á và Phạm Xuân K, có ý định mua tiền giả với mục đích trang trí cây đào và bàn thờ gia tiên dịp tết, không có mục đích sử dụng bất chính, nên không có căn cứ để xử lý.

-Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo N đã tác động với mẹ đẻ là bà Trương Thị P bồi thường cho các bị hại: Phạm Xuân K, Đậu Việt Á, Bùi Phúc T, Nguyễn Khương D, Trần Thị H và Trần Thị Thu T, với tổng số tiền 7.400.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu gì thêm.

- Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu gold, số Imei: 357305091603730, số Imei 2: 357305092318320, bên trong có gắn 01(một) sim của thuê bao di động số 0961166997 của Trương Hoàng N, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự theo quy định.

- 01 đĩa CD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo trong giai đoạn điều tra và 01 đĩa CD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo trong giai đoạn truy tố, chuyển theo hồ sơ vụ án theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT- VKSTX ngày 29/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố Trương Hoàng N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Trương Hoàng N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS;

Xử phạt: Trương Hoàng N từ 07 (bảy) tháng đến 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2024.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo N không có việc làm, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu gold, số Imei: 357305091603730, số Imei 2: 357305092318320, của Trương Hoàng N, điện thoại đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim số 0961166997; 01 đĩa CD ghi âm, ghi hình hỏi cung trong giai đoạn điều tra và 01 đĩa CD ghi âm, ghi hình hỏi cung trong giai đoạn truy tố, được lưu giữ hồ sơ vụ án. Về án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. *Xét về hành vi phạm tội của bị cáo:* Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu sai cá nhân, từ ngày 20/10/2023 đến ngày 06/02/2024, Trương Hoàng N đã sử dụng tài khoản Facebook “Hồng Nhungg” đăng thông tin đổi tiền thật lấy tiền giả (bản thân N không có tiền giả) để chiếm đoạt của các bị hại là: anh Nguyễn Khương D, chị Trần Thị H, chị Trần Thị Thu T, anh Bùi Phúc T, chị Đậu Việt Á và anh Phạm Xuân K để chiếm đoạt tổng số tiền 7.400.000 đồng.

Trương Hoàng N sử dụng cùng một thủ đoạn và phương thức phạm tội (đăng thông tin đổi tiền thật lấy tiền giả trên Facebook liên tục trong thời gian từ 20/10/2023 đến 06/02/2024 để yêu cầu các bị hại chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của N để chiếm đoạt), nên Trương Hoàng N phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền chiếm đoạt của các bị hại: Nguyễn Khương D, Trần Thị H, Trần Thị Thu T, Bùi Phúc T, Đậu Việt Á và Phạm Xuân K là 7.400.000 đồng. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố Trương Hoàng N theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. *Xét tính chất vụ án:* Đây là vụ án thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. *Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:* Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động với mẹ là Trương Thị P bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại. Sau khi phạm tội nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật đến Công an đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N có nhân thân xấu nên áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo N không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại không có yêu cầu nên không xem xét.

[6]. *Về xử lý vật chứng*: Tịch thu sung phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu gold, số Imei: 357305091603730, số Imei 2: 357305092318320, của Trương Hoàng N, điện thoại đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim số 0961166997; 01 đĩa CD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo trong giai đoạn điều tra và 01 đĩa CD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo trong giai đoạn truy tố, được lưu giữ hồ sơ vụ án.

[7]. *Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa áp dụng đối với bị cáo*: Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự; về án phí mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị phù hợp với quy định của pháp luật, do đó được HĐXX chấp nhận.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo Trương Hoàng N phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Trương Hoàng N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Trương Hoàng N 07 (bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày 07/02/2024, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu nên miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu gold, số Imei: 357305091603730, số Imei 2: 357305092318320, của Trương Hoàng N, điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim số 0961166997. Vật chứng vụ án theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân giao nhận ngày 30/5/2024.

- 01 (một) đĩa CD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo trong giai đoạn điều tra và 01 (một) đĩa CD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo trong giai đoạn truy tố, được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Buộc bị cáo Trương Hoàng N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/7/2024); Các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Công an huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

(đã ký)

Lê Thị Tâm